

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Mỹ A**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B ấp P, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Gia C**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số S đường C, khóm N, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mỹ A và ông Nguyễn Gia C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Gia C, sinh năm 1982 đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng: Bà Lê Thị Mỹ A và ông Nguyễn Gia C thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê M (nam, sinh ngày 15/5/2006) cho ông Nguyễn Gia C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và bà A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Mỹ A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ A và ông Nguyễn Gia C đều tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ A tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004843 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà A số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Bích Tuyền